

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 25/01/2020 bà Nguyễn Thị D cho ông Phùng A S vay số tiền 118.000.000 đồng, có lập giấy viết tay do bà D trực tiếp viết nội dung, thời hạn vay đến ngày 25/02/2020, mục đích để ông S mua xe. Sau khi thống nhất nội dung vay tiền thì ông S ký, ghi rõ họ tên phía bên vay. Do đã quá thời hạn thanh toán nợ, mặc dù bà D đã nhiều lần đòi nhưng ông S không thực hiện đúng cam kết, tính đến nay ông S chưa trả tiền lãi cho bà D.

Nay bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ông Phùng A S có trách nhiệm trả cho bà D số tiền nợ gốc là 118.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi trong hạn là 1,66%/tháng từ ngày 25/01/2020 đến ngày 25/02/2020 với số tiền là 1.958.800 đồng và lãi quá hạn là 118.000.000 đồng x 2,5% x 14 tháng (từ ngày 26/02/2020 đến ngày 26/4/2021) thành tiền là 41.300.000 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 161.258.800 đồng.

Bị đơn Phùng A S trình bày: Bị đơn thừa nhận năm 2019 có vay số tiền 50.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị D, khi vay hai bên không viết giấy tờ, sau đó đến ngày 25/01/2020 tiếp tục vay số tiền 40.000.000 đồng, lúc đó bà D cộng dồn cả hai lần vay thành số tiền gốc là 90.000.000 đồng và tính lãi của số nợ trên là 28.000.000 đồng, sau đó ghi thành giấy vay tiền ngày 25/01/2020 với số tiền vay là 118.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 25/02/2020, mục đích vay để mua xe nhưng thực tế số tiền này ông S vay hộ em rể chứ không phải để mua xe. Trong thời gian vay ông S đã 03 lần trả lãi cho bà D với tổng số tiền 10.800.000 đồng, việc trả lãi không lập giấy tờ, không có ai làm chứng.

Nay bị đơn thống nhất có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 118.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn vì trong số tiền trên đã tính tiền lãi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị Kim T thống nhất như lời trình bày của bị đơn nêu trên.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07/5/2021 nhưng không thành. Sau đó người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên toà ngày 05/7/2021, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên và yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 26/02/2020 đến ngày 26/6/2021 với mức lãi suất 2,49%/tháng và đề nghị đưa bà Trần Thị Kim T là vợ ông Phùng A S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ông Phùng A S phải trả số tiền vay nợ gốc là 118.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh nên xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, đối chiếu tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, lời trình bày của các đương sự thấy rằng:

3.1 Theo giấy vay tiền ngày 25/01/2020 thì bà Nguyễn Thị D cho ông Phùng A S vay số tiền 118.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 25/02/2020, có chữ ký của ông Phùng A S. Bị đơn cũng thừa nhận nội dung nêu trên. Tuy nhiên, ông S cho rằng trong số tiền 118.000.000 đồng thì chỉ có 90.000.000 đồng là tiền gốc, còn 28.000.000 đồng là lãi được tính từ số tiền gốc. Ngoài ra, còn cho rằng trong thời gian vay ông S đã 03 lần trả lãi cho bà D với tổng số tiền 10.800.000 đồng mà không có chứng cứ chứng minh nên xác định số tiền ông S vay của bà D là 118.000.000 đồng.

Do vậy, nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu ông Phùng A S có trách nhiệm trả cho bà D số tiền nợ gốc là 118.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận.

3.2 Xét giấy vay tiền ngày 25/01/2020 thì hai bên có thoả thuận lãi suất 02%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 25/02/2020 nên nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong hạn từ ngày 25/01/2020 đến ngày 25/02/2020 với mức là 1,66%/tháng với số tiền là 1.958.800 đồng và lãi quá hạn với mức 2,49%/tháng tính từ ngày 26/02/2020 đến 26/6/2021 là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Cụ thể là: Lãi trong hạn: $118.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\% \times 01 \text{ tháng} = 1.958.800 \text{ đồng}$; Lãi quá hạn: $118.000.000 \text{ đồng} \times 2,49\% \times 16 \text{ tháng} = 47.011.200 \text{ đồng}$, cộng lãi 48.970.000 đồng.

[4] Từ những cơ sở phân tích nhận định nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định ngày 25/01/2020 ông Phùng A S vay số tiền 118.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị D đến nay chưa trả gốc và lãi nên buộc ông Phùng A S có trách nhiệm phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền vay là 118.000.000 đồng và lãi phát sinh 48.970.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi với số tiền 166.970.000 đồng. Nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu buộc ông S và bà T có trách nhiệm phải trả số tiền trên. Bà Trần Thị Kim T đồng ý có trách nhiệm cùng ông Phùng A S trả nợ cho bà D nên buộc ông S và bà T phải trả nợ số tiền trên cho bà D là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên buộc ông Phùng A S và bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 166.970.000 đồng $\times 5\% = 8.348.500 \text{ đồng}$ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn ông Phùng A S.

Buộc ông Phùng A S và bà Trần Thị Kim T có trách nhiệm phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền vay là 118.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh 48.970.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi với số tiền 166.970.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Phùng A S và bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.348.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị D được nhận lại số tiền 4.068.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004806 ngày 19/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Biên

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 04 tháng 01 năm 2021.

Tại Toà án nhân dân huyện B.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Sáu

Ông Phan Thị Hà

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 96/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020, Quyết định hoãn phiên toà số 42/2020/QĐST-DS ngày 29/10/2020, Quyết định tạm ngừng phiên toà số 10/2020/QĐST-DS ngày 16/11/2020, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 05/2020/TB-TA ngày 14/12/2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 5, xã Lộc Thành, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

- **Bị đơn:** Ông **Phan Anh Trường**, sinh năm 1971 và bà **Nguyễn Thị Tâm**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn 11, xã Lộc Thành, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1/ Về quan hệ tranh chấp:

+ Ý kiến 02 hội thẩm nhân dân: Tranh chấp về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

+ Ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến 02 HTND.

+ HĐXX biểu quyết: Thống nhất 3/3 đạt tỉ lệ 100%.

2/ Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Ý kiến 02 hội thẩm nhân dân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn ông Phùng A S.

Buộc ông Phùng A S phải trả cho cho bà Nguyễn Thị D số tiền vay và lãi còn lại là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng), trong đó tiền gốc 42.000.0000 đồng, lãi 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc ông Phan Anh Trường và bà Nguyễn Thị Tâm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.600.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị D được nhận lại số tiền 1.050.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0019762 ngày 08/7/2020 và số tiền 1.010.940 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0019829 ngày 07/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

+ Ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến 02 HTND.

+ HĐXX biểu quyết: Thống nhất 3/3 đạt tỉ lệ 100%.

3/ Về áp dụng pháp luật:

+ Ý kiến 02 hội thẩm nhân dân:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, 468, 469 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến 02 HTND.

+ HĐXX biểu quyết: Thống nhất 3/3 đạt tỉ lệ 100%.

4/ Về quyền kháng cáo:

+ Ý kiến 02 hội thẩm nhân dân: Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

+ Ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến 02 HTND.

+ HĐXX biểu quyết: Thống nhất 3/3 đạt tỉ lệ 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 04 tháng 01 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Sáu - Phan Thị Hà

Trần Văn Biên